**\TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VŨ QUANG**
**TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 30 - 11 - 2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**
*Các hội thẩm nhân dân:*
- Ông **Nguyễn Xuân Hiệu**
- Ông **Nguyễn Đình Lý**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Song Hào –** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Văn Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với:

- *Bị cáo:* ***Trần Văn Â*** - Sinh ngày: 24/6/1956; nơi cư trú: Thôn B, xã Th, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 7/7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Kh và bà Phan Thị B (đều đã chết); có vợ: Phan Thị Th1; con: Có 03 con, con lớn nhất 41 tuổi, con nhỏ nhất 36 tuổi; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/1983, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xử phạt 15 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản riêng của công dân" đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 25/12/2019 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa)

- *Bị cáo:* ***Nguyễn Xuân L*** - Sinh ngày: 08/11/1965; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết) và bà Lê Thị A; có vợ: Lê Thị Thu H1; con: Có 03 con, con lớn nhất 26 tuổi, con nhỏ nhất 21 tuổi; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 25/12/2019 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị ***Nguyễn Thị S*** – Sinh năm: 1984 là Kế toán Công ty THHH MTV Quyết Thắng

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện V, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ Chị ***Lê Thị Thu H2*** – Sinh năm: 1973 là Thủ quỷ Công ty THHH MTV Quyết Thắng

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện V, tỉnh H (vắng mặt có lý do)

+ ***Chi cục Thuế khu vực Hương Khê – Vũ Quang***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Duy H3 - Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Hương Khê – Vũ Quang (vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Ngọc N - Đội trưởng Chi cục Thuế khu vực Hương Khê – Vũ Quang

Địa chỉ: Chi cục Thuế khu vực Hương Khê – Vũ Quang ở thị trấn H, huyện H, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ ***Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Đ1 - Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ (vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc D - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ

Địa chỉ: Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ ở xã Sơn G, huyện H, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ Ông ***Đào Văn Th2*** – Cán bộ Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn - Đức Thọ

Địa chỉ: Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ ở xã S, huyện H, tỉnh H (vắng mặt không lý do)

+ Ông ***Trần Quang B1*** – Nguyên là cán bộ Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện Đ, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ Ông ***Nguyễn Như B2*** – Cán bộ Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn - Đức Thọ

Địa chỉ: Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ ở xã Sơn G, huyện H, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ Bà ***Đặng Thị C***– Cán bộ Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ

Địa chỉ: Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ ở xã Sơn G, huyện H, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ ***Công ty TNHH TM Bảo Hùng***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Học Ng, sinh năm: 1972 – Giám đốc Công ty TNHH TM Bảo Hùng

Địa chỉ: Tổ 4, phường B, thị xã H, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ Ông ***Hà Học Ng1*** Sinh năm: 1978 – Nhân viên công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc.

Địa chỉ: Xóm L, xã V, huyện C, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

+ ***Công ty TNHH TM Vĩnh Ngọc***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Ph, sinh năm 1946 – Giám đốc Công ty TNHH TM Vĩnh Ngọc

Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện C, tỉnh H (vắng mặt không lý do)

+ ***Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Đ2, sinh năm 1981 – Giám đốc Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh H (có mặt tại phiên Tòa)

- *Người giám định:*

+ Ông ***Phan Quốc H4*** - Trưởng phòng nghiệp vụ dự toán pháp chế Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

+ Ông ***Nguyễn Ngọc D1*** - Trưởng phòng thanh tra, kiểm tra số 1 Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

+ Bà ***Phan Thị Lệ D2*** - Phó Trưởng phòng thanh tra, kiểm tra số 2 Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

+ Ông ***Nguyễn Thành V*** - Trưởng phòng thanh tra, kiểm tra số 3 Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

+ Ông ***Phan Xuân H5*** - Phó Trưởng phòng quản lý hộ cá nhân kinh doanh và thu khác Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

+ Bà ***Trần Thị Th3*** - Chuyên viên phòng thanh tra, kiểm tra số 2 Cục thuế Hà Tĩnh

Địa chỉ: Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có lý do)

- *Người làm chứng:*

+ Anh ***Lê Ngọc Ng2*** – Sinh năm:1988

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt không lý do)

+ Anh ***Lê Văn H6*** – Sinh năm:1968

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt không lý do)

+ Anh ***Phạm Bá Ng3*** – Sinh năm:1978

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quyết Thắng (Viết tắt là Công ty TNHH Quyết Thắng); địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện V, tỉnh H được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2804000232, do Sở KH&ĐT tỉnh H cấp lần đầu ngày 13/01/2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 20/01/2010; Mã số thuế: 3001155594; Giám đốc: Nguyễn Xuân L là chủ sở hửu, người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của công ty; Ngành nghề kinh doanh: khai thác đất, đá, cát sỏi, xây dựng; được UBND tỉnh H cấp giấy chứng nhận đầu tư số 28121000252 ngày 19 tháng 11 năm 2013 và Giấy phép khai thác khoáng sản số 227/GP-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 để thực hiện dự án khai thác mỏ cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại bãi bồi sông Ngàn Sâu, thuộc thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh H. Với quy mô khai thác là 1.5 ha, công suất cho phép là 10.000$m^3$/năm; trữ lượng địa chất: 57.472,7$m^3$; trữ lượng khai thác: 54.406,7$m^3$; thời hạn 07 năm từ năm 2014 đến hết năm 2020. Từ tháng 4 năm 2014 đến hết năm 2017, Công ty TNHH Quyết Thắng đã nhiều lần phải kê khai nộp thuế, phí bổ sung cũng như bị Thanh tra Sở tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh xử phạt về hành vi khai thác cát vượt quá sản lượng quy định.

Do mỏ cát của công ty đã khai thác vượt quá sản lượng quy định nên đầu năm 2018, Nguyễn Xuân L đã cung cấp số điện thoại di động, đồng thời chỉ đạo Nguyễn Thị S (là kế toán thuế của Công ty TNHH Quyết Thắng) liên lạc với Trần Văn Â để lập hợp đồng mua cát để hợp thức khối lượng cát công ty khai thác tại mỏ và mua trôi nổi không có hóa đơn phục vụ cho các công trình trên địa bàn huyện Ng, Can L do Công ty TNHH Quyết Thắng đang thi công . Sau khi liên lạc Trần Văn Â xác nhận có giấy phép kinh doanh cát, có hóa đơn hợp pháp thì Nguyễn Thị S hẹn Trần Văn Â đến Công ty TNHH Quyết Thắng để ký hợp đồng, rồi báo lại sự việc cho Nguyễn Xuân L. Tiếp đó, Nguyễn Xuân L chỉ đạo Nguyễn Thị S soạn thảo ký kết hợp đồng, lấy dấu chữ ký và dấu công ty đóng vào, chuyển tiền, lấy hóa đơn, còn cát Nguyễn Xuân L sẽ lấy sau.

Ngày 19/01/2018, Trần Văn Â đến trụ sở Công ty TNHH Quyết Thắng, ký hợp đồng mua bán cát do Nguyễn Thị S soạn sẵn đề ngày 02/01/2018, nội dung Công ty TNHH Quyết Thắng mua của Trần Văn Â khối lượng 12.000$m^3$ cát, giá tiền 70.000đ/$m^3$, thành tiền 840.000.000đ. Nguyễn Thị S viết hóa đơn số 0016873 của Trần Văn Â đưa cho, nội dung như trong hợp đồng, ghi ngày 12/01/2018 rồi Trần Văn Â ký, đóng dấu mã số thuế vào hợp đồng và hóa đơn. Còn Nguyễn Thị S đóng dấu công ty, dấu chữ ký giám đốc Công ty TNHH Quyết Thắng vào hợp đồng. Sau đó Trần Văn Â, Nguyễn Thị S và Lê Thị Thu H2 (là Thủ quỷ Công ty TNHH Quyết Thắng) cùng đến tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện V để thực hiện việc chuyển khoản tiền. Sau khi, Nguyễn Thị S và Trần Văn Â làm thủ tục chuyển khoản tiền hai lần để thể hiện Công ty TNHH Quyết Thắng đã thanh toán đủ số tiền 840.000.000đ cho Trần Văn Â thì Trần Văn Â thực hiện rút toàn bộ số tiền ra và chỉ thu số tiền thuế, phí

92.400.000đ, số tiền còn lại Â đưa lại cho S nộp vào tài khoản Công ty TNHH Quyết Thắng. Số tiền thuế, phí thu của Công ty TNHH Quyết Thắng, Trần Văn Â đã nộp 60.600.000đ tiền thuế, phí hưởng lợi bất hợp pháp số tiền 31.800.000đ.

Hợp đồng mua bán cát, ghi hóa đơn, chuyển tiền giữa Nguyễn Xuân L với Trần Văn Â không có giao dịch hàng hóa (cát) kèm theo và để hợp thức 12.000$m^3$ cát ghi trên hóa đơn, năm 2018 Nguyễn Xuân L đã mua 2.060$m^3$ cát trôi nỗi không có hóa đơn trên địa bàn huyện Ng đồng thời chỉ đạo khai thác tại mỏ của Công ty TNHH Quyết Thắng 13.870$m^3$ cát, trong đó đưa vào sổ sách, báo cáo, kê khai nộp quyết toán thuế năm 2018 là 3.930,5$m^3$ cát, còn lại 9.940$m^3$ cát + 2.060$m^3$ cát mua trôi nổi =12.000$m^3$ cát Nguyễn Xuân L không báo cáo, kê khai nộp thuế, phí tài nguyên môi trường. Đầu năm 2019 Công ty TNHH Quyết Thắng đã hoàn thành việc quyết toán thuế năm 2018, trong đó sử dụng hóa đơn số 0016873, ghi ngày 12/01/2018 mua của Trần Văn Â để kê khai, quyết toán chi phí số lượng cát đầu vào công ty mua sử dụng thi công các công trình xây dựng.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, đoàn kiểm tra Chi cục thuế huyện V đã kiểm tra quyết toán thuế năm 2018 đối với Công ty TNHH Quyết Thắng, trong đó biên bản ghi rõ: đoàn kiểm tra chỉ xác định số liệu trên hồ sơ và các tài liệu hiện có đến thời điểm kiểm tra do doanh nghiệp cung cấp. Khi cơ quan thuế hoặc các cơ quan chức năng khác rà soát lại hoặc đối chiếu lại hóa đơn chứng từ, nếu có gì sai phạm thì đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H phát hiện Công ty TNHH Quyết Thắng đã mua hóa đơn khống đối với 12.000$m^3$ cát như đã nêu ở trên với mục đích vừa hợp thức hóa số cát khai thác tại mỏ để không bị xử phạt khai thác vượt quá sản lượng, đồng thời trốn số tiền thuế, phí phải nộp cho 9.940$m^3$ cát khai thác tại mỏ và 2.060$m^3$ cát mua trôi nỗi không có hóa đơn.

Quá trình điều tra hành vi trốn thuế tại Công ty TNHH Quyết Thắng, Cơ quan điều tra còn phát hiện: Trần Văn Â là chủ hộ kinh doanh cá thể tại xã Thanh B, huyện Đ, tỉnh H; được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 28D8.000.668 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2009; Mã số thuế 3000208042. Ngành nghề đăng ký kinh doanh là đồ mộc, vật liệu xây dựng. Hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Â là đối tượng nộp thuế theo phương pháp khoán, hóa đơn bán hàng được mua, đăng ký và thông báo phát hành tại Chi cục thuế huyện Đ. Tuy nhiên qua xác minh, điều tra hộ Trần Văn Â không có giấy phép khai thác cát, không có mỏ cát, không có bãi tập kết và phương tiện vận chuyển cát, không có bản cam kết thu gom cát và nộp thuế tài nguyên thay cho các tổ chức, cá nhân khai thác cát nhỏ lẻ nhưng từ ngày 11/12/2014 đến 11/3/2019, ngoài hóa đơn khống xuất bán cho Công ty TNHH Quyết Thắng nói trên, còn xuất bán 50 hóa đơn mặt hàng cát với tổng khối lượng cát ghi trên hóa đơn là 76.360 $m^3$ và tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 5.313.550.000đ cho 04 công ty trên địa bàn tỉnh H, cụ thể:

1. Xuất 27 hóa đơn cho Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng (CPXD và KDVLXD) Vĩnh Ngọc. Địa chỉ: Xã V, huyện C, tỉnh H. Giám đốc: ông Tôn Đ2. Lĩnh vực hoạt động: Xây dựng công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Khoảng cuối năm 2014, Trần Văn Â đã chủ động gặp một người đàn ông giới thiệu tên là Nguyễn Văn Đ3, trú tại thôn 4, xã X, huyện Ng, tỉnh H, làm quản lý các tàu khai thác cát tại khu vực Cống Tr, phường Tr, thị xã H và thống nhất: Trần Văn Â sẽ giới thiệu, xuất hóa đơn cát, còn Nguyễn Văn Đ3 đưa các tàu cát vào bến cát cầu Đ, xã V, huyện C, tỉnh H để bán. Sau đó Trần Văn Â vào bến cát cầu Đông H gặp Hà Học Ng1 là phụ trách việc mua bán cát cho Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc để liên hệ việc bán cát, xuất hóa đơn. Sau khi Hà Học Ng1 kiểm tra các loại giấy tờ, hóa đơn về kinh doanh cát của Trần Văn Â nhận thấy hợp pháp, hai bên thống nhất: Trần Văn Â sẽ trực tiếp bán cát (có xuất hóa đơn) cho anh Ng1 với giá bán là 50.000đ/$m^3$, trong đó tiền cát là 43.000đ/$m^3$, tiền thuế, phí từ 7000đ/$m^3$ – 7.700đ/$m^3$ và tùy từng thời điểm hai bên thống nhất ghi giá trên hóa đơn là 50.000đ/$m^3$, 70.000đ/$m^3$, 85.000đ/$m^3$, 90.000đ/$m^3$, 120.000đ/$m^3$. Trong đó tiền cho các tàu chở cát ứng, tiền cẩu cát và chi phí khác do Hà Học Ng1 giữ lại, còn Trần Văn Â chỉ nhận tiền thuế, phí từ 7000đ/$m^3$ – 7.700đ/$m^3$ và nộp thuế, phí cho Chi cục Thuế Đức Thọ từ 4.200đ/$m^3$ – 4.350đ/$m^3$ để hưởng lợi số tiền chênh lệch. Trong 6 đến 7 lần đầu, Trần Văn Â, Hà Học Ng1 và người đàn ông tên Nguyễn Văn Đ3 đã trực tiếp có mặt tại bến cát cầu Đồng Huề thực hiện giao dịch mua bán cát, xuất hóa đơn. Sau đó, Hà Học Ng1 và Trần Văn Â thống nhất với nhau là khi nào cần mua cát Hà Học Ng1 sẽ gọi điện cho Trần Văn Â thông báo khối lượng cát cần mua, Trần Văn Â sẽ gọi tàu chở cát vào và khi đo đếm đủ khối lượng cần lấy, Hà Học Ng1 sẽ gọi Trần Văn Â vào ghi hóa đơn và thanh toán tiền.

Với cách thức trên, từ ngày 11/12/2014 đến ngày 27/02/2015, Trần Văn Â đã gọi Nguyễn Văn Đ3 chở cát vào giao dịch với Hà Học Ng1 và xuất 27 hóa đơn bán hàng xuất cho Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc, mỗi hóa đơn đều ghi khối lượng trị giá dưới 20.000.000đ, với tổng khối lượng 5.070 $m^3$ cát và tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 519.050.000đ.

2. Xuất 03 hóa đơn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại (TNHH TM) Vĩnh Ngọc. Địa chỉ: Xã V, huyện C, tỉnh H. Giám đốc: ông Tôn Ph. Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh vật liệu xây dựng các loại; khai thác đá, cát, sỏi, đất.

Với cách thức mua bán như đối với Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc, từ ngày 28/5/2015 đến ngày 23/12/2016, Trần Văn Â giao dịch mua bán cát với Hà Học Ng1 và ghi 03 hóa đơn bán hàng xuất cho Công ty TNHHTM Vĩnh Ngọc với tổng khối lượng 9.000 $m^3$ cát và tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 510.000.000đ. (Trong đó có 02 hóa đơn xuất năm 2015, tổng khối lượng ghi trên 02 hóa đơn là 6.000$m^3$ cát, tổng trị giá tiền ghi trên 02 hóa đơn là 300.000.000đ; 01 hóa đơn xuất năm 2016, tổng khối lượng ghi trên hóa đơn là 3.000$m^3$ cát, tổng trị giá tiền ghi trên hóa đơn là 210.000.000đ ). Các hợp đồng mua bán đều do Hà Học Ng1 lập,

hóa đơn bán hàng một số do Hà Học Ng1 viết, một số do Trần Văn Â viết. Các giao dịch chuyển tiền đều được thực hiện tại các Ngân hàng ở huyện C. Sau khi Công ty TNHHTM Vĩnh Ngọc chuyển tiền qua tài khoản, Trần Văn Â rút tiền trả lại cho Hà Học Ng1 tiền cho các tàu ứng khi giao cát, tiền cẩu cát và chi phí khác, Trần Văn Â giữ lại tiền thuế, phí là 21.000.000đ, đã nộp thuế, phí 12.600.000đ, hưởng lợi bất hợp pháp 8.400.000đ.

3. Xuất 18 hóa đơn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại (TNHH TM) vận tải Bảo Hùng. Địa chỉ: Phường B, thị xã H, tỉnh H. Giám đốc: Hà Học Ng3 (anh trai Hà Học Ng1). Lĩnh vực hoạt động: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kinh doanh vật liệu xây dựng các loại.

Được sự giới thiệu của Hà Học Ng1, Hà Học Ng3 gặp Trần Văn Â và trao đổi việc mua, bán cát tại bãi cát Cầu Đ. Sau khi kiểm tra giấy tờ, tính hợp pháp của các hóa đơn bán hàng cát của Trần Văn Â nhận thấy hợp pháp, Hà Học Ng3 và Trần Văn Â thống nhất thực hiện các giao dịch mua, bán cát, ghi hóa đơn với cách thức tương tự như giao dịch giữa Trần Văn Â và Hà Học Ng1.

Từ ngày 23/8/2015 đến ngày 11/3/2019, Trần Văn Â gọi tàu chở cát vào bến cát cầu Đông Huề giao dịch với Hà Học Ng3 và xuất 18 hóa đơn bán hàng cho Công ty TNHHTM vận tải Bảo Hùng với tổng khối lượng 61.500 $m^3$ cát và tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 4.245.000.000đ (Trong đó có 01 hóa đơn xuất năm 2015, ghi khối lượng 3.000$m^3$ cát, giá trị tiền 150.000.000đ; 05 hóa đơn xuất năm 2016, ghi tổng khối lượng 13.000$m^3$ cát, tổng trị giá tiền 910.000.000đ; 07 hóa đơn xuất năm 2017, ghi tổng khối lượng 20.500$m^3$ cát, tổng trị giá tiền 1.435.000.000đ; 04 hóa đơn xuất năm 2018, ghi tổng khối lượng 22.000$m^3$ cát, tổng trị giá tiền 1.540.000.000đ; 01 hóa đơn xuất năm 2019, ghi khối lượng 3.000$m^3$ cát, trị giá tiền 210.000.000đ). Các hợp đồng mua bán đều được Hà Học Ng3 lập sẵn, hóa đơn bán hàng một số do Hà Học Ng3 viết, một số do Trần Văn Â viết. Các giao dịch chuyển tiền đều được thực hiện tại các Ngân hàng ở thị xã H. Sau khi Công ty TNHHTM vận tải Bảo Hùng chuyển tiền qua tài khoản, Trần Văn Â rút tiền trả lại cho Hà Học Ng3 tiền cho các tàu ứng khi giao cát, tiền cẩu cát từ phà lên bãi và các chi phí khác, Trần Văn Â giữ lại tiền thuế, phí là 409.500.000đ, đã nộp thuế, phí 252.525.000đ, hưởng lợi bất hợp pháp 156.975.000đ.

4. Xuất 02 hóa đơn cho Công ty Cổ phần Hạnh Khoa. Địa chỉ: Thị trấn Ngh, huyện C, tỉnh H. Giám đốc: Trần Song Kh. Lĩnh vực hoạt động: Đa ngành nghề, cụ thể: Năm 2015, Trần Văn Â đã xuất 02 hóa đơn bán hàng cát, không có cát kèm theo cho Công ty cổ phần Hạnh Khoa với khối lượng 790$m^3$ cát và tổng giá trị tiền ghi trên hóa đơn là 39.500.000đ.

Để hợp thức khối lượng cát ghi xuất trong 50 hóa đơn cho 04 công ty nêu trên, Trần Văn Â đã lập khống các hợp đồng mua cát đầu vào, tên tuổi, địa chỉ, phương tiện vận chuyển của người bán trong các hợp đồng này đều không có thật và sử dụng các hợp đồng này để kê khai nộp thuế.

Để hợp thức thanh toán thì đối với các hóa đơn ghi giá trị dưới 20.000.000 đồng thì khi viết hóa đơn cho khách hàng Trần Văn Â trực tiếp thu tiền mặt. Đối với các hóa đơn trên 20.000.000 đồng thì Trần Văn Â và khách hàng cùng đến tại Ngân hàng để thực hiện việc chuyển khoản, khi khách hàng chuyển tiền vào tài khoản, Trần Văn Â rút ra và trả lại các khoản mà khách hàng đã cho chủ tàu cát ứng, tiền thuê cẩu cát từ tàu cát lên bãi và các chi phí khác, Trần Văn Â giữ lại mỗi $m^3$ cát từ 7.000 – 7.700 đồng tiền thuế, phí để nộp cho Chi cục Thuế Đức Thọ và hưởng lợi.

Với khối lượng cát và doanh thu như trên, Trần Văn Â đã nộp tại Chi cục Thuế Đ số tiền 426.229.750đ, bao gồm: Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và hưởng lợi bất hợp pháp từ việc xuất bán 19 hóa đơn từ năm 2016 đến 2019 tổng số tiền là 197.175.000đ.

Đối với số tiền Trần Văn Â hưởng lợi bất hợp pháp từ xuất bán hóa đơn cho Công ty TNHH TM Vĩnh Ngọc 02 hóa đơn năm 2015; Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc 08 hóa đơn năm 2014, 19 hóa đơn năm 2015, Công ty TNHHTM vận tải Bảo Hùng 01 hóa đơn năm 2015; Công ty cổ phần Hạnh Khoa 01 hóa đơn năm 2014, 01 hóa đơn 2015 thì: căn cứ Điểm a, Khoản 10, Điều 21, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013; Công văn số 104/CCT-NVQLT ngày 22/7/2020 của Chi cục thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ thì trường hợp hộ kinh doanh Trần Văn Â tại thời điểm năm 2014 và 2015: doanh thu tính tổng cho tất cả các mặt hàng nên không thể tính riêng mặt hàng cát. Vì vậy, số tiền thu lợi bất chính đối với mặt hàng cát trong các năm 2014 - 2015 không đủ cơ sở để xác định.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 2221/KL-CT ngày 09/12/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

* Đối với Công ty TNHH Quyết Thắng:

- Đối chiếu với Luật quản lý thuế thì các loại thuế, phí phải nộp của 12.000$m^3$ cát là:

+ Thuế tài nguyên phải nộp là 214.162.500 đồng;

+ Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là: 52.800.000đ;

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là: 22.795.500đ;

Tổng số thuế, phí phải nộp là: 214.162.500đ + 52.800.000đ +22.795.500đ = 289.758.000đ.

- Công ty TNHH Quyết Thắng khai thác khối lượng 9.940$m^3$ cát tại mỏ nhưng không xuất hóa đơn, không kê khai thuế và mua trôi nổi 2.060$m^3$ cát không có hóa đơn, sau đó sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức chi phí thì hành vi của Công ty TNHH Quyết Thắng là hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 Luật Quản lý Thuế.

- Số thuế mà Công ty TNHH Quyết Thắng gây thiệt hại cho nhà nước là 289.758.000đ.

* Đối với hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Â:

- Hộ Trần Văn Â không có hàng hóa để bán chỉ xuất hóa đơn khống cho khách hàng thì thuộc hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

- Hành vi nêu trên của hộ Trần Văn Â tiếp tay cho các doanh nghiệp khác trốn thuế nhưng chưa đủ căn cứ để tính ra số thuế thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp ngày 04/9/2019, của Sở tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh kết luận:

Tổng sản lượng khoáng sản cát mà Công ty TNHH Quyết Thắng khai thác tại mỏ từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 3 năm 2019 vượt trữ lượng được phép khai thác là 34.977,727$m^3$ ( nguyên khối) là trái với quy định tại khoản 3, Điều 2 Giấy phép khai thác khoáng sản số 227/GP – UBND ngày 17/1/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, đối với khối lượng cát khai thác vượt trữ lượng khai thác cho phép nêu trên, đối chiếu với quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn luật chưa kết luận hình thức xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 49/PC09-KTHS ngày 17/3/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Hà Tĩnh xác định chữ ký dưới mục "Người bán hàng" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A51 so với chữ ký của ông Trần Văn Â trên mẫu so sánh ký kiệu M1 là chữ ký của cùng một người.

- Về vật chứng: 01 (Một) hộp dấu băng nhựa màu đỏ - đen, mặt trên dấu ghi: TRẦN VĂN Â, Thái Yên - Đức Thọ - Hà Tĩnh. MST: 3000208042-4. Đây là hộp dấu mới, không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Văn Â, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu; 26 quyển hóa đơn bán hàng của Trần Văn Â chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ngày 17/6/2019 và ngày 23/9/2020 Nguyễn Xuân L đã khắc phục đầy đủ số tiền trốn thuế 289.758.000đ tại Chi cục thuế huyện V. Ngày 24/11/2020 Trần Văn Â khắc phục được số tiền 138.000.000đ trong tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 197.175.000đ.

Cáo trạng số 04/CT-VKS-VQ ngày 24/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H truy tố Trần Văn Â phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại Điểm d, đ, e Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Xuân L phạm tội "Trốn thuế" theo quy định tại Điểm a, d Khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa khai phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, không thay đổi, bổ sung gì thêm và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố, luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Văn Â phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn", Nguyễn Xuân L phạm tội "Trốn thuế" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năn 2017 và Nghị quyết 41/2017/NQ-QH14; Điểm d, đ, e Khoản 2 Điều 203, Điểm b, s Khoản 1 Điều

51; Điều 65 BLHS xử phạt Trần Văn Â từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng Điểm a, d Khoản 1 Điều 200, Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 35 BLHS xử phạt Nguyễn Xuân Lộc từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS tuyên lưu giữ theo hồ sơ vụ án 26 quyển hóa đơn thu của Trần Văn Â theo hồ sơ vụ án và truy thu sung vào ngân sách nhà nước của Trần Văn Â số tiền 59.175.000đ.

Bị cáo Trần Văn Â thừa nhận việc xuất 01 tờ hóa đơn ghi 12.000$m^3$ cho Công ty THHH Quyết Thắng không có hàng hóa cát đi kèm là đúng. Còn việc xuất 50 tờ hóa đơn cho Công ty TNHH Bảo Hùng; Công ty CPXD và DVLXD Vĩnh Ngọc; Công ty TNHH Vĩnh Ngọc; Công ty CP Hạnh Khoa thì đều có hàng hóa cát đi kèm và bị cáo có giấy phép kinh doanh trong đó có mặt hành vật liệu xây dựng nên việc xuất 50 hóa đơn cát cho 04 Công ty nói trên là hợp pháp.

Bị cáo Nguyễn Xuân L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đưa ra tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Cát là mặt hàng kinh doanh có điều kiện theo Luật đầu tư mà Trần Văn Â không có giấy phép đủ điều kiện kinh doanh mặt hàng cát, không có bến bãi, không có phương tiện vận chuyển, không sử dụng vốn, không có bản cam kết nộp thuế tài nguyên thay cho các tổ chức, cá nhân khai thác nhỏ lẻ. Mặt khác, các hợp đồng ghi mua cát đầu vào của Trần Văn Â là do Trần Văn Â tự lập; họ tên, địa chỉ ghi tại mục người bán cát đầu vào cho Trần Văn Â ghi trong hợp đồng là không có thật. Do đó, ngoài việc xuất 01 hóa đơn cho Công ty TNHH Quyết Thắng không có hàng hóa cát đi kèm thì việc xuất 50 hóa đơn ghi mặt hàng cát cho 04 Công ty nói trên thì Trần Văn Â chỉ đứng trung gian xuất hóa đơn thu lợi nên Viện kiểm sát truy tố Trần Văn Â phạm tội "mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d, đ, e Khoản 2 Điều 203 là đúng pháp luật.

Các bị cáo đều nói lời nói sau cùng xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Đối với Trần Văn Â không có giấy phép khai thác cát, không có mỏ, bãi tập kết và phương tiện vận chuyển cát; không có mặt hàng cát để bán; không có bản cam kết thu gom cát và nộp thuế tài nguyên thay cho các tổ chức, cá nhân khai thác cát nhỏ lẻ nhưng từ ngày 11/12/2014 đến 11/3/2019, Trần Văn Â đã xuất bán 51 Hóa đơn mặt hàng cát với tổng khối lượng ghi trên hóa đơn là 88.360 $m^3$ cát và tổng giá trị ghi trên hóa đơn là 6.153.550.000đ cho 05 công ty trên địa bàn tỉnh H, thu lợi bất hợp pháp số tiền 197.175.000đ, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 289.758.000đ do hành vi trốn thuế của Nguyễn Xuân L. Việc bị cáoTrần Văn Â cho rằng xuất 50 hóa đơn cát cho Công ty TNHH Bảo Hùng, Công ty CPXD và DVLXD Vĩnh Ngọc, Công ty TNHH Vĩnh Ngọc, Công ty CP Hạnh Khoa đều có hàng hóa cát đi kèm là không có cơ sở vì ngoài việc trên thực tế Trần Văn Â không có đủ điều kiện kinh doanh mặt hàng cát nói trên thì tất cả các hợp đồng mua cát đầu vào của Trần Văn Â đều do Trần Văn Â tự làm ra, chủ thể là bên bán cát cho Trần Văn Â trong hợp đồng là người không có thật trên thực tế và bị cáo cũng không chứng minh được là có cát để bán. Do đó, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Trần Văn Â chỉ đứng trung gian xuất hóa đơn thu tiền thuế, phí để hưởng lợi nhưng không có cát bán là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Xuân L vào ngày 19/01/2018 đã mua của Trần Văn Â 01 hóa đơn mặt hàng cát không có hàng hóa đi kèm để hợp thức khối lượng 12.000 $m^3$ khai thác tại mỏ và mua trôi nổi không có hóa đơn nhưng không kê khai nộp thuế, phí. Sau đó Nguyễn Xuân L sử dụng hóa đơn bất hợp pháp này để kê khai, quyết toán chi phí khối lượng cát đầu vào công ty mua sử dụng thi công các công trình xây dựng, trốn thuế gây thiệt hại cho nhà nước là 289.758.000đ.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 2221/KL-CT ngày 09/12/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh kết luận:

* Đối với Công ty TNHH Quyết Thắng khai thác khối lượng 9.940$m^3$ cát tại mỏ nhưng không xuất hóa đơn, không kê khai thuế và mua trôi nổi 2.060$m^3$ cát không có hóa đơn, sau đó sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức chi phí là hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Điều 108 Luật Quản lý Thuế. Số thuế mà Công ty TNHH Quyết Thắng gây thiệt hại cho nhà nước là 289.758.000đ.

* Đối với hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Â không có hàng hóa để bán chỉ xuất hóa đơn khống cho khách hàng thì thuộc hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Hành vi của Trần Văn Â tiếp tay cho các doanh nghiệp khác trốn thuế nhưng chưa đủ căn cứ để tính ra số thuế thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Tại bản kết luận giám định số 49/PC09-KTHS ngày 17/3/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh Hà Tĩnh xác định chữ ký dưới mục ‘‘Người bán hàng’’ trên các

mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A51 so với chữ ký của ông Trần Văn Â trên mẫu so sánh ký kiệu M1 là chữ ký của cùng một người.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Trần Văn Â được thực hiện cả trước và sau thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật và theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/NQ-QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 cũng như khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì tội " Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại khoản 2 điều 203 BLHS năm 2015 có khung hình phạt tiền đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm là nhẹ hơn so với khoản 2 điều 164a của BLHS năm 1999. Do đó, Cáo trạng số 04/CT-VKS-VQ ngày 24/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H truy tố Trần Văn Â phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại Điểm d, đ, e Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Xuân L phạm tội "Trốn thuế" theo quy định tại Điểm a, d Khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đối với khối lượng cát khai thác vượt quá sản lượng cát cho phép của Công ty TNHH Quyết Thắng và Nguyễn Xuân L theo Bản kết luận giám định tư pháp ngày 04/9/2019, của Sở tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh kết luận theo "Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn chưa kết luận hình thức xử lý " nên HĐXX không xét.

- Đối với hành vi trốn thuế thì Công ty TNHH Quyết Thắng là pháp nhân thương mại nhưng thuộc loại hình công ty TNHH một thành viên do Nguyễn Xuân L là chủ sở hửu, người đại diện theo pháp luật nên hành vi trốn thuế nói trên là vì lợi ích của cá nhân Nguyễn Xuân L nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý trách nhiệm đối với pháp nhân thương mại Công ty TNHH Quyết Thắng là có cơ sở.

- Đối với Nguyễn Văn Đ3 theo lời khai của Trần Văn Â là người bán cát cho Trần Văn Â, là người đứng tên bên bán cát trong hợp đồng mua cát đầu vào của Trần Văn Â thì Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã xác minh, điều tra nhưng không có trên thực tế là có cơ sở.

- Đối với Nguyễn Thị S là kế toán thuế cho Công ty TNHH Quyết Thắng làm công ăn lương. Việc lập hợp đồng, chuyển tiền, lấy hóa đơn cát từ Trần Văn Â là làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Xuân L nhưng không biết Nguyễn Xuân L mua hóa đơn không có hàng hóa cát kèm theo để trốn thuế và Nguyễn Thị S không được hưởng lợi gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã có kiến nghị Chi cục thuế khu vực Hương Khê – Vũ Quang xử lý đối với Nguyễn Thị S mà không xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị S là có cơ sở.

- Đối với Lê Thị Thu H2 là thủ quỷ của Công ty TNHH Quyết Thắng đưa dấu công ty, dấu chữa ký Giám đốc cho Nguyễn Thị S đóng vào hợp đồng, đi cùng

Nguyễn Thị S chuyển tiền cho Trần Văn Â là làm theo chỉ đạo của Nguyễn Xuân L nhưng không biết Nguyễn Xuân L trốn thuế nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý trách nhiệm đối với lê Thị Thu H2 là có cơ sở.

- Đối với Hà Học Ng1, Hà Học Ng3: Trước khi mua cát do Trần Văn Â đưa đến thì Hà Học Ng1, Hà Học Ng3 đã kiểm tra giấy tờ, hóa đơn và yêu cầu Trần Văn Â phải cung cấp cát có hóa đơn hợp pháp và Trần Văn Â khẳng định có giấy phép kinh doanh, có hóa đơn cát hợp pháp và việc mua cát đều thông qua Trần Văn Â nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý trách nhiệm đối với Hà Học Ng1 cùng pháp nhân thương mại Công ty CPXD và KDVLXD Vĩnh Ngọc; pháp nhân thương mại Công ty TNHHTM Vĩnh Ngọc; Hà Học Ng3 cùng pháp nhân thương mại Công ty TNHHTM vận tải Bảo Hùng là có cơ sở.

- Đối với 02 hóa đơn Trần Văn Â xuất bán cho Công ty Cổ phần Hạnh Khoa thì Trần Văn Â không nhớ giao dịch với ai, không có họ tên, chữ ký cụ thể dưới phần người mua hàng trên 02 hóa đơn và tại Công ty Cổ phần Hạnh Khoa không lưu giữ hóa đơn, tài liệu nói trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý trách nhiệm các nhân và pháp nhân thương mại Công ty Cổ phần Hạnh Khoa là có cơ sở.

- Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ của Chi cục Thuế khu vực Hương Sơn – Đức Thọ trong việc để hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Â thực hiện hành vi mua bán trái phép 51 hóa chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã có văn bản và tài liệu chuyển Cục thuế Hà Tĩnh xử lý cán bộ theo thẩm quyền là có cơ sở.

[3] Xét đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, cần lên một mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

**[**4] Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi hành vi phạm tội của mình, đều tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s khoản 1 điều 51 BLHS. Đối với Nguyễn Xuân L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có cha đẻ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS.

[5] Qua xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đối với Trần Văn Â có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính đang nuôi con tàn tật được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L có nhân thân tốt, sinh ra trong gia đình có công với cánh mạng. Do đó, cần áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt Trần Văn

Â 18 tháng tù cho hưởng án treo, áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Xuân L 120.000.000đ như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét Trần Văn Â có hoàn cảnh gia đình khó khăn, việc kinh doanh là nguồn thu nhập chính nuôi sống gia đình; còn Nguyễn Xuân L đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, việc kinh doanh của bị cáo tạo được việc làm cho nhiều lao động ở địa phương nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 (Một) hộp dấu bằng nhựa màu đỏ - đen, mặt trên dấu ghi: TRẦN VĂN Â, Thái Yên - Đức Thọ - Hà Tĩnh. MST: 3000208042-4 không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Văn Â nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật. Đối với 26 quyển hóa đơn bán hàng thu giữ của Trần Văn Â là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên cần phải lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền trốn thuế 289.758.000đ Nguyễn Xuân L đã nộp khắc phục đầy đủ nên miễn xét.

- Đối với số tiền hưởng lợi 197.175.000đ của Trần Văn Â là số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Hiện nay Trần Văn Â đã nộp khắc phục được 138.000.000đ nên cần buộc Trần Văn Â phải tiếp tục nộp khắc phục số tiền 59.175.000đ.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*1.Về trách nhiệm hình sự:*

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Â phạm tội " Mua bán trái phép hóa đơn" và bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội "Trốn thuế"

- Áp dụng Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/NQ-QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm d, đ, e Khoản 2 Điều 203; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn Â 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

- Áp dụng Điểm a, d Khoản 1 Điều 200; Điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 3 Điều 35; Khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Xuân L 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

*2. Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình tuyên:

- Truy thu, sung vào ngân sách nhà nước của Trần Văn Â số tiền 197.175.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), đã nộp 138.000.000đ (một trăm ba mươi tám triệu đồng), còn phải nộp 59.175.000đ (năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 26 quyển hóa đơn thu của Trần Văn Â

*3. Về án phí:* Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21 và Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Trần Văn Â và Nguyễn Xuân L mỗi bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*4. Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp pháp.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát;
- Công an;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nghiêm Khắc Cẩn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Xuân Hiệu** **Nguyễn Đình Lý** **Nghiêm Khắc Cẩn**